TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2024/DS-ST
Ngày: 19-12-2024
V/v tranh chấp "hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Duyên
2. Ông Lê Khắc Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 448/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: số D ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1997; địa chỉ: số C ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn:

- Ông Lê Thanh B, sinh năm 1975; địa chỉ: số B ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).
- Bà Nguyễn Thị Mai H1, sinh năm 1984; địa chỉ: số B ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2024, bản khai ngày 21/10/2024, trong quá trình tố tụng ông Phạm Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:

Ngày 28/02/2023 âm lịch, bà Bùi Thị H có cho vợ chồng ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H1 vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay và lãi suất do các bên tự thỏa thuận, mục đích ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H1 vay tiền của bà Bùi Thị H là để làm ăn và xoay sở cuộc sống gia đình. Khi vay các bên có lập giấy thỏa thuận mượn nợ do ông Lê Thanh B đại diện ký nhận nợ. Sau khi vay, bà H cần tiền và yêu cầu ông B, bà H1 thanh toán nợ nhưng ông B và bà H1

không thực hiện, cố tình né tránh.

Nay bà Bùi Thị H yêu cầu giải quyết, buộc ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị H số tiền 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai ngày 04/11/2024, bị đơn Nguyễn Thị Mai H1 trình bày:

Bà và ông Lê Thanh B là vợ chồng có đăng ký hết hôn theo quy định. Việc ông Lê Thanh B vay tiền của bà Bùi Thị H như thế nào thì bà không biết, vì ông B và bà H không có nói cho bà biết. Tuy nhiên, bà thừa nhận ông Lê Thanh B có ký tên trong giấy thỏa thuận mượn nợ ngày 28/02/2023 âm lịch do nguyên đơn bà Bùi Thị H cung cấp. Do ông B thỏa thuận vay tiền của bà Bùi Thị H là để làm ăn xoay sở cuộc sống gia đình nên nay bà đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng ông Lê Thanh B trả cho bà Bùi Thị H số tiền 60.000.000 đồng nhưng do điều kiện của bà hiện nay khó khăn nên bà xin được trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với các giấy tờ mà Tòa án giao cho ông B thì bà có nhận thay và có thông báo cho ông Lê Thanh B biết nhưng do hiện tại ông B đi làm ăn xa, không thể đến Tòa án được.

Bị đơn ông Lê Thanh B vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H yêu cầu bị đơn ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H1 trả tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H1 cư trú tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn là bà Nguyễn Thị Mai H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị Mai H1. Đối với bị đơn ông Lê Thanh B đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, bị đơn ông Lê Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Thanh B.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Bùi Thị H yêu cầu bị đơn ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ là 60.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng trong quá trình thụ lý

giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ là văn bản có tiêu đề "Giấy thoả thuận mượn nợ" ngày 28/02/2024 (bản chính) có nội dung thể hiện số tiền nợ 60.000.000 đồng, trong đó có chữ ký của Bên mượn nợ là ông Lê Thanh B.

Đối với ông Lê Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã được tống đạt các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nhưng không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập xem như ông Lê Thanh B đã tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Đối với bà Nguyễn Thị Mai H1 đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng ông Lê Thanh B trả cho bà Bùi Thị H số tiền 60.000.000 đồng nhưng do điều kiện hiện nay khó khăn nên bà H1 xin được trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[5] Trên cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn cung cấp, việc không phản đối của bị đơn ông Lê Thanh B và việc thừa nhận nợ của bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H1; căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án công nhận tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp làm cơ sở xác định giữa nguyên đơn bà Bùi Thị H và bị đơn ông Lê Thanh B có xác lập, thực hiệp hợp đồng vay tài sản. Qua đó, thể hiện ông Lê Thanh B còn nợ bà Bùi Thị H số tiền 60.000.000 đồng nhưng chưa trả. Đồng thời, có đủ cơ sở xem xét hợp đồng vay tài sản được bà Bùi Thị H và ông Lê Thanh B giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại các Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về nghĩa vụ trả tiền: Từ những căn cứ như đã nêu trên, có căn cứ xác định bị đơn ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H1 chưa thanh toán cho bà Bùi Thị H số tiền 60.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, cần buộc ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị H số tiền 60.000.0000 đồng là phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do nguyên đơn không yêu tính lãi nên không xem xét.

[7] Xét yêu cầu xin trả dần của bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H1 xin trả nợ cho nguyên đơn bà Bùi Thị H mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, khi vay tiền giữa bà Bùi Thị H và ông Lê Thanh B không có thỏa thuận về việc trả dần và nguyên đơn cũng không đồng ý việc bị đơn xin trả dần nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà Nguyễn Thị Mai H1.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H được chấp nhận nên ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H1 phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.000.000 đồng. Bà Bùi Thị H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H đối với bị đơn ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H1. Buộc ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị H số tiền vay còn nợ là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Bà Bùi Thị H không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

2.1. Ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H1 phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

2.2. Bà Bùi Thị H được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003552 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Văn Tú